

Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi

LÊ NỮ NHƯ NGỌC*

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm mục tiêu xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, với công cụ phân tích SPSS 20 để phân tích hồi quy. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 4 nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến công tác dự toán ngân sách, bao gồm: Phân quyền; Tư duy nhà quản trị; Cạnh tranh; Năng lực chuyên môn kế toán. Điều này ngụ ý rằng, các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi cần nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác dự toán ngân sách, cơ cấu bộ máy quản lý theo hướng phân quyền, nâng cao năng lực nhân viên kế toán và theo dõi, ứng phó với sự biến động của thị trường để tổ chức công tác dự toán ngân sách hiệu quả.

Từ khóa: dự toán ngân sách, tỉnh Quảng Ngãi, doanh nghiệp thương mại

Summary

The study aims to identify and measure factors affecting budget estimate in commercial enterprises in Quang Ngai province. Quantitative method is used with the support from SPSS 20 for regression analysis. The outcome shows that there are 4 factors having positive influence on budget estimate, including Decentralization, Management thinking, Competition, Professional capacity in accounting. This finding implies that commercial enterprises in Quang Ngai province need to be more aware of the importance of budget estimate, arrange the management apparatus towards decentralization, improve the capacity of accountants and follow, respond to market fluctuations to make accurate budget estimate.

Keywords: budget estimate, Quang Ngai province, commercial enterprises

GIỚI THIỆU

Đặc thù các doanh nghiệp thương mại là hoạt động trong lĩnh vực phân phối, lưu chuyển hàng hóa từ sản xuất tới nơi tiêu dùng. Thực tế cho thấy, số lượng doanh nghiệp phát triển nhanh về số lượng nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hơn một nửa trong số đó là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

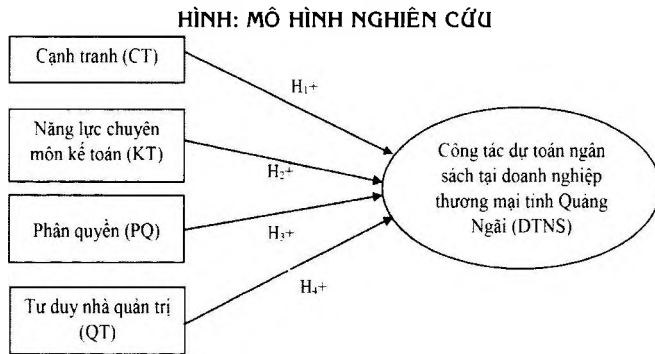
Với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi có nhiều thuận lợi trong tiếp cận thị trường trong và ngoài nước. Tuy nhiên, với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt đòi hỏi các doanh nghiệp để tồn tại và phát triển cần không ngừng

đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của mình. Để làm được điều này, việc vận dụng các công cụ quản lý khoa học, trong đó có dự toán ngân sách, sẽ giúp các nhà quản trị phát huy được các mặt tích cực, tận dụng các nguồn lực sẵn có hiệu quả.

Các nghiên cứu cho thấy, dự toán ngân sách là một tập hợp các kế hoạch liên kết với nhau để mô tả định lượng các hoạt động dự kiến trong tương lai. Tuy nhiên, các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi vẫn chưa thực sự quan tâm, nhận thức đầy đủ tầm quan trọng, vai trò và lợi ích của công tác lập dự toán ngân sách trong quản lý doanh nghiệp. Từ đó, dẫn đến tình trạng nguồn lực của doanh nghiệp bị lãng phí, chất lượng quản lý kém..., hậu quả là doanh nghiệp không chịu nổi sức ép của thị trường, thậm chí phá sản. Vậy nhân tố hoặc tiêu chí nào ảnh hưởng đến công tác dự toán ngân sách và nhân tố nào tác động nhiều nhất

* Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 12/02/2022; Ngày phản biện: 19/02/2022; Ngày duyệt đăng: 25/02/2022



BẢNG 1: CÁC GIẢ THUYẾT VÀ DẤU KỶ VỌNG TRONG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Ký hiệu	Các giả thuyết	Dấu kỳ vọng
H1	Yếu tố cạnh tranh tác động trực tiếp cùng chiều tới công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi	+
H2	Yếu tố năng lực chuyên môn kế toán tác động trực tiếp cùng chiều tới công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi	+
H3	Yếu tố phân quyền tác động trực tiếp cùng chiều tới công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi	+
H4	Yếu tố tư duy nhà quản trị tác động trực tiếp cùng chiều tới công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi	+

đến dự toán ngân sách giúp doanh nghiệp kiểm soát và phân bổ các nguồn lực hợp lý trong điều kiện cạnh tranh gay gắt là điều mà các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi quan tâm hiện nay.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết bất định (The contingency theory). Lý thuyết này được phát triển từ lý thuyết tổ chức, sau đó được áp dụng trong các nghiên cứu kế toán quản trị của Otley từ những năm 1980 (Otley, 1980). Khi áp dụng trong các nghiên cứu kế toán quản trị, lý thuyết này cho rằng, không có một hệ thống kế toán quản trị nào phù hợp chung áp dụng như nhau cho mọi tổ chức trong tất cả mọi hoàn cảnh. Lý thuyết bất định đưa ra những giải thích về các nhân tố bên trong tổ chức ảnh hưởng đến việc thiết kế tổ chức đó (Chenhall, 1998; 2005). Lý thuyết bất định giải thích các nhân tố cạnh tranh, năng lực chuyên môn kế toán, phân quyền trong mô hình.

Lý thuyết khuếch tán sự đổi mới (Diffusion of innovations). Lý thuyết này được phát triển đầu tiên bởi Rogers (1995). Sau này, lý thuyết khuếch tán sự đổi mới đã phát triển thành một lĩnh vực nghiên cứu có ứng dụng rộng rãi đa dạng cho các lĩnh vực. Theo quan điểm của lý thuyết khuếch tán sự đổi mới, một sự đổi mới được chấp nhận và vận dụng vào tổ chức

không phải là một hành động tức thời, mà phải trải qua các giai đoạn nhất định từ hiểu biết ban đầu, thực thi và cuối cùng là xác nhận (Rogers, 2010). Lý thuyết khuếch tán sự đổi mới chỉ ra các nhân tố bên trong (tư duy nhà quản trị, phân quyền, năng lực chuyên môn kế toán) và nhân tố bên ngoài (cạnh tranh) tác động đến công tác dự toán ngân sách trong mô hình.

Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến công tác lập dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Hình) được xây dựng trên cơ sở lý thuyết bất định và lý thuyết khuếch tán sự đổi mới.

Từ mô hình đề xuất nêu trên, phương trình nghiên cứu dự kiến là:

$$DTNS = \alpha + \beta_1 * CT + \beta_2 * KT + \beta_3 * PQ + \beta_4 * QT + \epsilon$$

Trong đó:

- Biến phụ thuộc là DNTS: công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi.

- Biến độc lập gồm 4 biến: CT: Cạnh tranh; KT: Năng lực chuyên môn kế toán; PQ: Phân quyền; QT: Tư duy nhà quản trị.

- Trong mô hình nghiên cứu, các giả thuyết được diễn giải như Bảng 1.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Người trả lời khảo sát gồm: kế toán quản trị viên, kế toán tổng hợp hoặc kế toán trưởng, là những người chịu trách nhiệm hoặc kiểm soát trong công tác lập dự toán, mỗi doanh nghiệp một phiếu khảo sát. Tổng cộng có 145 phiếu khảo sát được phát ra, thu về 143 phiếu; trong đó, có 13 phiếu không trả lời đầy đủ hoặc chỉ trả lời duy nhất một đáp án trong toàn bộ phiếu khảo sát nên loại bỏ, còn lại 130 phiếu đạt yêu cầu. Tác giả phân loại 130 người tham gia trả lời theo giới tính, độ tuổi, chức vụ, trình độ học vấn để đảm bảo mẫu khảo sát là đại diện cho tổng thể. Sau đó, số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20 để phân tích. Khảo sát được thực hiện vào tháng 11/2021.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định độ tin cậy thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha được sử dụng để kiểm tra độ tin cậy của thang

độ. Giá trị hệ số Cronbach's Alpha nằm trong khoảng từ 0,8 đến gần 1 là tốt; các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) > 0,3 thì biến đạt độ tin cậy (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Kết quả phân tích cho thấy, đối với thang đo biến phụ thuộc, hệ số Cronbach's Alpha = 0,909. Các biến độc lập cạnh tranh, năng lực chuyên môn kế toán, phân quyền, tư duy nhà quản trị có hệ số Cronbach's Alpha lần lượt là 0,956; 0,874; 0,955; 0,908. Đồng thời, các hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều > 0,3. Như vậy, thang đo trên đạt độ tin cậy để sử dụng nghiên cứu.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích EFA biến độc lập

Kết quả kiểm định từ Bảng 2 cho thấy, giá trị KMO = 0,832, thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 0,1$, chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là thích hợp.

Kiểm định phương sai trích biến độc lập từ Bảng 3 cho thấy, kết quả tổng phương sai trích có giá trị 81,503% > 50%, đã thỏa mãn điều kiện tổng phương sai trích và phân tích ma trận xoay nhân tố đã trích được 19 biến quan sát thành 4 nhóm nhân tố, với trị số Eigenvalues = 1,138 > 1.

Phân tích EFA biến phụ thuộc

Kết quả kiểm định (Bảng 4) cho thấy, giá trị KMO = 0,793 thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 0,1$, chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định phương sai trích biến phụ thuộc cho thấy, tổng phương sai trích 78,841%, thỏa mãn tiêu chuẩn tổng phương sai trích phải > 50%.

Phân tích hồi quy bội

Kiểm định hệ số hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính (Bảng 5) cho thấy, tất cả các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 90% (hệ số Sig. < 0,1). Điều này cho thấy, các biến: Cạnh tranh (CT); Năng lực chuyên môn kế toán (KT); Phân quyền (PQ); Tư duy nhà quản trị (QT) có tác động đến công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi (DTNS). Trong đó, tất cả các biến có tác động cùng chiều đối với biến DTNS. Điều này phù hợp với giả thuyết mà tác giả đặt ra ban đầu. Như vậy, các giả thuyết H1, H2, H3, H4 đều được chấp nhận ở độ tin cậy 90%. Mô hình hồi quy đánh giá mức độ tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc như sau:

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT CÁC BIẾN ĐỘC LẬP

Hệ số KMO		0,832
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	3511,305
	df	171
	Sig.	0,000

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA

	Nhân tố			
	1	2	3	4
CT5	0,912			
CT1	0,901			
CT4	0,894			
CT7	0,879			
CT3	0,875			
CT6	0,725			
CT2	0,718			
PQ2		0,903		
PQ4		0,902		
PQ5		0,832		
PQ1		0,820		
PQ3		0,808		
KT1			0,797	
KT4			0,761	
KT2			0,747	
KT3			0,710	
QT1				0,853
QT2				0,842
QT3				0,776
Tổng phương sai trích	81,503%			
Trị số Eigenvalues nhỏ nhất	1,138			

BẢNG 4: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT CÁC BIẾN PHỤ THUỘC

Hệ số KMO		0,793
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	384,898
	df	6
	Sig.	0,000
Tổng phương sai trích		78,841%

BẢNG 5: KẾT QUẢ HỒI QUY

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Kiểm tra đa cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta			Độ chấp nhận	VIF
(Hằng số)	0,814	0,247		3,292	0,001		
1 CT	0,185	0,056	0,227	3,305	0,001	0,717	1,394
KT	0,147	0,079	0,153	1,877	0,063	0,511	1,956
PQ	0,269	0,063	0,321	4,259	0,000	0,597	1,674
QT	0,232	0,068	0,259	3,407	0,001	0,587	1,704

Biến phụ thuộc: DTNS

$$DTNS = 0,814 + 0,185*CT + 0,147*KT + 0,269*PQ + 0,232*QT + \epsilon$$

Đồng thời, mô hình hồi quy chuẩn hóa được xác định như sau:

$$DTNS = 0,227*CT + 0,153*KT + 0,321*PQ + 0,259*QT + \epsilon$$

BẢNG 6: MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA MÔ HÌNH

Model	R	R ²	R ² điều chỉnh	Sai số chuẩn
1	0,759 ^a	0,577	0,563	0,4580982

Biến độc lập: (Hàng số), QT, CT, PQ, KT

Theo mô hình hồi quy chuẩn hóa, có thể thấy được cơ cấu tác động của các nhân tố đến công tác dự toán ngân sách tại các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi được sắp xếp theo tuần tự từ cao xuống thấp, như sau: Phân quyền; Tư duy của nhà quản trị; Cạnh tranh; Năng lực chuyên môn kế toán.

Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Theo Bảng 6, ta thấy $R^2 = 0,577$, có nghĩa là mô hình có 57,7% sự biến động của DTNS là các biến độc lập gây ra, còn lại 42,3% sự biến động của DTNS là do các nhân tố ngẫu nhiên khác gây ra.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự toán ngân sách ở các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Phân quyền; Tư duy nhà quản trị; Cạnh tranh; Năng lực chuyên môn kế toán. Trong đó, nhân tố Phân quyền có ảnh hưởng lớn nhất.

Hàm ý chính sách

Một là, nhà quản trị cần nhận thức vai trò quan trọng của công tác dự toán ngân sách trong quá trình quản lý, điều hành và phân bổ nguồn lực của đơn vị để đưa ra quyết định chính xác, kịp thời và hiệu quả nhằm đem lại lợi ích cho doanh nghiệp. Ngoài việc tuyển dụng nhân viên kế toán có trình độ, am hiểu về kế toán quản trị, các doanh nghiệp cần chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng.

Hai là, chú trọng xây dựng, hoàn thiện bộ máy kế toán, đảm bảo độ tin cậy của thông tin kế toán, nhằm nâng cao chất lượng và tính hữu dụng của thông tin kế toán, để cung cấp thông tin cho nhà quản trị thông qua

các báo cáo quản trị của đơn vị. Động viên tinh thần, khuyến khích kế toán viên nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, nâng cao tinh thần ham học hỏi, cầu tiến trong công việc thông qua các chính sách khen thưởng trong doanh nghiệp.

Ba là, các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi cần nghiên cứu tái cấu trúc bộ máy quản trị theo hướng phân quyền. Theo đó, các nhà quản trị cấp cao cần trao quyền nhiều hơn cho các nhà quản trị cấp thấp thông qua việc phân tầng quản lý. Tức là chia nhỏ các cấp quản lý, trao quyền quyết định về tài chính, nhân sự, về đầu tư cho các nhà quản trị từng cấp chịu trách nhiệm trong thẩm quyền ra quyết định của mình. Bằng sự tin tưởng giao trách nhiệm, đồng nghĩa với quyền lợi được nâng cao, nhà quản trị các cấp sẽ nhận thức vai trò và chịu trách nhiệm, cũng như khơi gợi động lực phát triển tổ chức theo hướng tích cực.

Việc thay đổi bối cảnh thị trường, môi trường kinh doanh có thể mang đến sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại tỉnh Quảng Ngãi, do tính chất sản phẩm thương mại có nhiều sự tương đồng, dễ thay thế. Do đó, các doanh nghiệp càng chú ý về những biến động của đối thủ cạnh tranh về giá, về chiến lược, về chính sách. Các doanh nghiệp, khi đối mặt với sự không chắc chắn về môi trường bên ngoài, phải liên tục tìm kiếm các hệ thống và công cụ kinh doanh cho phép chúng hoạt động tốt hơn với phối hợp các nỗ lực để đạt được sự chắc chắn trong tương lai. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức
2. Chenhall, R. H. (2005). Integrative strategic performance measurement systems, strategic alignment of manufacturing, learning and strategic outcomes: an exploratory study, *Accounting, Organizations and Society*, 30(5), 395-422
3. Chenhall, R. H., and Langfield-Smith, K. (1998). The relationship between strategic priorities, management techniques and management accounting: an empirical investigation using a systems approach, *Accounting, Organizations and Society*, 23(3), 243-264
4. Otley, D. (1980). The contingency theory of management accounting: Achievement and prognosis, *Accounting, Organizations and Society*, 5(4), 413-428
5. Rogers, E. (1995). *Diffusion of Innovation*, Free press, New York
6. Rogers, E. M. (2010). *Diffusion of innovations*, Simon and Schuster